

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*  
*đã được kiểm toán*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 39</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 39

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 20 Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Lương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thái Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Ông Giám đốc**



**Nguyễn Đức Kiên**

Số : 43/2019/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Mai Văn Công**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1



**Nguyễn Hải Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2016-152-1

### **Trụ sở chính**

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880  
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

### **Chi nhánh Hà Nội**

P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội  
Điện thoại: 024 3244.40.44 / Fax: 024 3244.40.45  
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>859.702.491.742</b>	<b>855.792.128.292</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>173.455.189.633</b>	<b>139.799.029.815</b>
1.	Tiền	111		76.625.639.676	44.283.164.111
2.	Các khoản tương đương tiền	112		96.829.549.957	95.515.865.704
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>3.861.460.588</b>	<b>3.619.877.500</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.861.460.588	3.619.877.500
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>587.183.242.040</b>	<b>590.123.489.425</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	361.396.304.197	361.774.502.188
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	304.358.128.963	299.215.799.335
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	3.437.147.853	15.500.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	61.948.607.326	52.493.824.272
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(143.956.946.299)	(138.860.636.370)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>69.095.119.964</b>	<b>98.928.992.002</b>
1.	Hàng tồn kho	141		69.095.119.964	98.928.992.002
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.107.479.517</b>	<b>23.320.739.550</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	172.375.433	134.875.433
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.459.871.178	10.666.721.609
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	11.475.232.906	12.519.142.508
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.348.039.873</b>	<b>231.865.224.996</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.857.011.738</b>	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	17.857.011.738	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.197.192.832</b>	<b>8.762.846.651</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	7.197.192.832	8.668.900.813
	- Nguyên giá	222		38.193.337.525	38.892.120.922
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.996.144.693)	(30.223.220.109)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	93.945.838
	- Nguyên giá	228		225.470.000	225.470.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.470.000)	(131.524.162)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>206.095.016.643</b>	<b>222.030.694.745</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		39.558.000.000	49.345.614.932
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		167.622.649.354	173.022.649.354
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.671.375.950	6.671.375.950
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(7.757.008.661)	(7.008.945.491)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>198.818.660</b>	<b>1.071.683.600</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	198.818.660	1.071.683.600
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.091.050.531.615</b>	<b>1.087.657.353.288</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>582.144.777.395</b>	<b>575.532.767.333</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>537.916.769.403</b>	<b>535.121.028.630</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	267.902.906.912	309.057.573.563
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	186.624.495.450	108.694.063.665
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	137.375.850	9.626.057.852
4.	Phải trả người lao động	314		4.143.178.410	3.680.170.223
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.034.539.109	54.573.109.877
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	995.037.855	918.829.218
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	64.742.540.530	41.315.116.828
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	3.000.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.336.695.287	4.256.107.404
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>44.228.007.992</b>	<b>40.411.738.703</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	41.688.549.125	37.122.279.836
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	2.539.458.867	3.289.458.867
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>508.905.754.220</b>	<b>512.124.585.955</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>508.905.754.220</b>	<b>512.124.585.955</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		19.544.113.527	19.544.113.527
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.198.964.148	21.417.795.883
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		18.198.964.148	21.417.795.883
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.091.050.531.615</b>	<b>1.087.657.353.288</b>

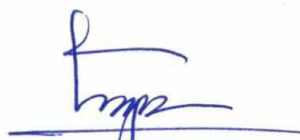
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

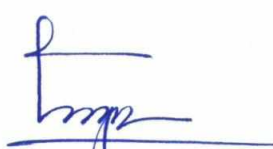
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>466.404.486.407</b>	<b>1.011.431.006.652</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	25.912.344.503	7.415.309.285
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>440.492.141.904</b>	<b>1.004.015.697.367</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	444.735.816.090	975.231.701.122
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(4.243.674.186)</b>	<b>28.783.996.245</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	67.271.876.459	62.303.791.641
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.246.980.075	2.068.988.802
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.049.333	8.051.729.343
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	40.610.017.881	64.804.496.038
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.171.204.317</b>	<b>24.214.303.046</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.763.582.376	10.787.315.595
12.	Chi phí khác	32	VI.07	735.822.545	12.535.124.113
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.027.759.831</b>	<b>(1.747.808.518)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.198.964.148</b>	<b>22.466.494.528</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	1.048.698.645
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>18.198.964.148</b>	<b>21.417.795.883</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**


**Nguyễn Thị Giang Thanh**

**Lê Thị Ngọc**

**Nguyễn Đức Kiên**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		470.630.708.837	920.178.276.624
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(448.961.875.024)	(784.639.091.490)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.984.899.132)	(34.064.026.004)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(28.308.333)	(5.880.110.933)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.582.267.672)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.337.353.133	8.891.614.119
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.387.516.233)	(12.800.542.163)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(17.976.804.424)</b>	<b>91.686.120.153</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		340.500.000	12.367.768.131
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.057.011.738)	(15.426.497.148)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.262.852.147	300.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.356.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.712.000.000	28.319.950.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.565.614.973	52.594.169.053
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>73.823.955.382</b>	<b>73.799.390.036</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	33.990.503.276
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.750.000.000)	(152.312.210.410)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.440.738.500)	(56.241.803.574)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(22.190.738.500)</b>	<b>(174.563.510.708)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>33.656.412.458</b>	<b>(9.078.000.519)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>139.799.029.815</b>	<b>148.877.030.334</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(252.640)	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>173.455.189.633</b>	<b>139.799.029.815</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Giang Thanh



Lê Thị Ngọc



Nguyễn Đức Kiên

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Năm 2018**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện hành bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

**04. Cấu trúc doanh nghiệp****04.1 Thông tin về Công ty con**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	82,65%
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%

**04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh**

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xẩm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê công	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,00%.

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 69,07%.

(\*\*) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

## **03. Các khoản đầu tư tài chính**

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí SXKD của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn tương ứng với phần doanh thu được nghiệm thu trong năm phản ánh trị giá vốn của giá thành xây lắp nghiệm thu thanh toán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	253.889.292	1.490.564.581
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.371.750.384	42.792.599.530
- Các khoản tương đương tiền (*)	96.829.549.957	95.515.865.704
<b>Cộng</b>	<b>173.455.189.633</b>	<b>139.799.029.815</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm.

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	3.861.460.588	3.861.460.588	3.619.877.500	3.619.877.500
<b>Cộng</b>	<b>3.861.460.588</b>	<b>3.861.460.588</b>	<b>3.619.877.500</b>	<b>3.619.877.500</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,6%/năm.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính : VND

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>39.558.000.000</b>		-			<b>49.345.614.932</b>		-
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	82,65	82,65	33.058.000.000	(*)	-	82,65	82,65	33.058.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long <sup>(a)</sup>	-	-	-	-	-	51,13	51,13	9.787.614.932	(*)	-
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>167.622.649.354</b>		<b>(7.757.008.661)</b>			<b>173.022.649.354</b>		<b>(7.008.945.491)</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long <sup>(b)</sup>	-	-	-	-	-	36,00	36,00	5.400.000.000	(*)	(3.645.082.114)
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	64,30	64,30	109.644.000.000	(*)	-	64,30	64,30	109.644.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	45,55	45,55	27.797.662.360	(*)	(6.276.082.972)	45,55	45,55	27.797.662.360	(*)	(1.443.898.812)
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03	22,03	17.844.300.000	(*)	-	22,03	22,03	17.844.300.000	(*)	-
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	49,00	49,00	12.336.686.994	(*)	(1.480.925.689)	49,00	49,00	12.336.686.994	(*)	(1.919.964.565)

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính : VND

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>6.671.375.950</b>		-			<b>6.671.375.950</b>		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số mười bảy Thăng Long	14,39	14,39	2.850.307.611	(*)	-	14,39	14,39	2.850.307.611	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-
<b>Cộng</b>			<b>213.852.025.304</b>		<b>(7.757.008.661)</b>			<b>229.039.640.236</b>		<b>(7.008.945.491)</b>

(a) Giám theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0002/2018/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 9 tháng 8 năm 2018 về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long cho Ông Lê Hồng Chiên.

(b) Giám theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0003/2018/HĐCNCP/TLG-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long cho Công ty Cổ phần Lilama 3.

(\*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:**

Tên Công ty con, liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm</b>	<b>48.055.661.270</b>	<b>31.112.440.381</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	1.652.900.000	3.305.800.000
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	97.500.000	390.000.000
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	39.176.235.839	22.308.618.290
- Công ty TNHH BOT đường 188	7.129.025.431	5.108.022.091
<b>Doanh thu trong năm</b>	<b>1.392.619.261</b>	<b>2.014.335.906</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	9.079.999	-
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	-	314.962.182
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	536.391.671	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	-	11.242.843
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	430.222.591	430.222.590
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	416.925.000	409.545.000
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	-	848.363.291
<b>Mua hàng, thầu phụ trong năm</b>	<b>92.628.331.171</b>	<b>145.115.075.757</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	44.908.812.985	67.351.916.414
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	3.249.501.010	16.130.914.064
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	44.470.017.176	41.360.908.379
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	-	20.271.336.900
<b>Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ</b>	<b>-</b>	<b>2.687.818.182</b>
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	-	1.569.090.909
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	-	1.118.727.273
<b>Lãi ứng trước tiền hợp đồng thầu phụ</b>	<b>364.736.321</b>	<b>247.174.216</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	305.874.903	231.424.216
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	39.986.418	-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	18.875.000	15.750.000
<b>Chuyển tiền cho vay</b>	<b>17.857.011.738</b>	<b>500.000.000</b>
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	17.857.011.738	-
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	-	500.000.000
<b>Lãi từ cho vay tiền</b>	<b>470.255.906</b>	<b>6.041.096</b>
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	45.000.000	6.041.096
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	425.255.906	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>361.396.304.197</b>	<b>361.774.502.188</b>
- Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	25.421.063.239	83.229.427.500
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	5.287.753.000	38.927.618.475
- Ban quản lý dự án 7	33.738.541.965	43.789.504.474
- Ban quản lý dự án giao thông Nam Định	30.573.332.360	5.143.643.000
- Ban quản lý dự án hạ tầng Tà Ngạn ( đổi tên thành Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội)	60.117.964.530	14.995.201.944
- Công ty Cổ phần Tasco	48.321.888.820	13.380.579.680
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	157.935.760.283	162.308.527.115
<b>Cộng</b>	<b>361.396.304.197</b>	<b>361.774.502.188</b>

**b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>57.487.984.900</b>	<b>22.554.094.730</b>
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	1.621.905.928	1.609.758.400
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	1.993.001.869	1.887.491.869
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	5.077.943.432	5.077.943.432
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	-	225.076.500
- Công ty Cổ phần Tasco	48.321.888.820	13.380.579.680
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	473.244.851	373.244.849
<b>Cộng</b>	<b>57.487.984.900</b>	<b>22.554.094.730</b>

**04. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>304.358.128.963</b>	<b>299.215.799.335</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	57.730.061.892	60.993.135.121
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 8 Thăng Long	36.293.566.676	43.003.785.167
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	19.316.774.300	14.796.056.837
- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số mười bảy Thăng Long	28.039.048.013	26.196.227.082
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	162.978.678.082	154.226.595.128
<b>Cộng</b>	<b>304.358.128.963</b>	<b>299.215.799.335</b>

**b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>29.524.433.025</b>	<b>16.328.957.787</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	19.316.774.300	14.796.056.837
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	4.207.658.725	1.532.900.950
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	6.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>29.524.433.025</b>	<b>16.328.957.787</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.437.147.853</b>	-	<b>15.500.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	-	-	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long <sup>(a)</sup>	3.437.147.853	-	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	-	-	500.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>17.857.011.738</b>	-	-	-
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh <sup>(b)</sup>	17.857.011.738	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.294.159.591</b>	-	<b>15.500.000.000</b>	-

(a): Theo hợp đồng vay vốn số 444/2017/HĐVV/TLG-TCKT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long vay.

(b): Theo hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/TLG-BOT ngày 01 tháng 4 năm 2018 thời hạn 96 tháng, lãi suất áp dụng theo lãi suất của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu tại thời điểm giải ngân

**b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Dài hạn</b>	<b>17.857.011.738</b>	-	-	-
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	17.857.011.738	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.857.011.738</b>	-	-	-

**06. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.948.607.326</b>	-	<b>52.493.824.272</b>	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.082.626.919	-	11.735.526.919	-
- Tạm ứng	40.908.062.751	-	30.530.729.542	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	312.737.497	-	312.737.497	-
- Phải thu khác	10.645.180.159	-	9.914.830.314	-
+ Ban điều hành dự án	5.560.889.422	-	7.590.972.449	-
+ Các khoản phải thu khác	5.084.290.737	-	2.323.857.865	-
<b>Cộng</b>	<b>61.948.607.326</b>	-	<b>52.493.824.272</b>	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	8.461.155.797	-	21.993.056.655	16.597.026.900
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	35.734.929.372	-	45.503.893.539	9.656.141.852
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	64.333.210.610	-	82.635.316.575	13.653.769.058
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	-	20.653.048.115	3.003.652.027
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số mười bảy Thăng Long	10.985.911.323	-	27.853.815.845	16.867.904.522
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	6.792.343.109	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>143.956.946.299</b>	<b>-</b>	<b>198.639.130.729</b>	<b>59.778.494.359</b>

**08. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	69.095.119.964	-	98.928.992.002	-
<b>Cộng</b>	<b>69.095.119.964</b>	<b>-</b>	<b>98.928.992.002</b>	<b>-</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	33.984.840.056	3.587.563.514	1.319.717.352	38.892.120.922
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(698.783.397)	-	(698.783.397)
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	33.984.840.056	2.888.780.117	1.319.717.352	38.193.337.525
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	26.295.629.612	2.645.369.983	1.282.220.514	30.223.220.109
- Khấu hao trong năm	1.213.853.412	235.548.384	22.306.185	1.471.707.981
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(698.783.397)	-	(698.783.397)
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	27.509.483.024	2.182.134.970	1.304.526.699	30.996.144.693
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	7.689.210.444	942.193.531	37.496.838	8.668.900.813
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	6.475.357.032	706.645.147	15.190.653	7.197.192.832

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 6.222.180.983 đồng.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>225.470.000</b>	<b>225.470.000</b>
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>225.470.000</b>	<b>225.470.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>131.524.162</b>	<b>131.524.162</b>
- Khấu hao trong năm	93.945.838	93.945.838
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>225.470.000</b>	<b>225.470.000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>93.945.838</b>	<b>93.945.838</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 225.470.000 đồng.

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>172.375.433</b>	<b>134.875.433</b>
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	172.375.433	134.875.433
<b>b. Dài hạn</b>	<b>198.818.660</b>	<b>1.071.683.600</b>
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	198.818.660	1.071.683.600
<b>Cộng</b>	<b>371.194.093</b>	<b>1.206.559.033</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	<b>3.000.000.000</b>	-	-
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>	-	<i>3.000.000.000</i>	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.289.458.867</b>	<b>3.289.458.867</b>	-	<b>750.000.000</b>	<b>2.539.458.867</b>	<b>2.539.458.867</b>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>3.289.458.867</i>	<i>3.289.458.867</i>	-	<i>750.000.000</i>	<i>2.539.458.867</i>	<i>2.539.458.867</i>
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>3.289.458.867</i>	<i>3.289.458.867</i>	-	<i>750.000.000</i>	<i>2.539.458.867</i>	<i>2.539.458.867</i>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>3.289.458.867</i>	<i>3.289.458.867</i>	-	<i>750.000.000</i>	<i>2.539.458.867</i>	<i>2.539.458.867</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long (*)	3.289.458.867	3.289.458.867	-	750.000.000	2.539.458.867	2.539.458.867
<b>Cộng</b>	<b>6.289.458.867</b>	<b>6.289.458.867</b>	-	<b>3.750.000.000</b>	<b>2.539.458.867</b>	<b>2.539.458.867</b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền thu từ khối lượng các công trình, nguồn vốn khấu hao tài sản, thiết bị và các nguồn thu hợp pháp khác, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>267.902.906.912</b>	<b>267.902.906.912</b>	<b>309.057.573.563</b>	<b>309.057.573.563</b>
- Công ty Cổ phần – Tổng Công ty cơ khí Xây dựng Thăng Long	35.948.931.357	35.948.931.357	32.697.532.571	32.697.532.571
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	12.817.312.834	12.817.312.834	38.399.817.661	38.399.817.661
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	6.748.262.011	6.748.262.011	16.004.029.634	16.004.029.634
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	20.299.401.323	20.299.401.323	8.290.585.561	8.290.585.561
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	192.088.999.387	192.088.999.387	213.665.608.136	213.665.608.136
<b>Cộng</b>	<b>267.902.906.912</b>	<b>267.902.906.912</b>	<b>309.057.573.563</b>	<b>309.057.573.563</b>

**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>29.154.166.164</b>	<b>29.154.166.164</b>	<b>27.108.090.269</b>	<b>27.108.090.269</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	6.748.262.011	6.748.262.011	16.004.029.634	16.004.029.634
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	2.106.502.830	2.106.502.830	2.813.475.074	2.813.475.074
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	20.299.401.323	20.299.401.323	8.290.585.561	8.290.585.561
<b>Cộng</b>	<b>29.154.166.164</b>	<b>29.154.166.164</b>	<b>27.108.090.269</b>	<b>27.108.090.269</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>186.624.495.450</b>	<b>186.624.495.450</b>	<b>108.694.063.665</b>	<b>108.694.063.665</b>
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	-	-	16.094.533.240	16.094.533.240
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội	16.452.307.092	16.452.307.092	31.609.386.170	31.609.386.170
- Khu quản lý giao thông đô thị số 2	11.447.836.484	11.447.836.484	18.908.463.000	18.908.463.000
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	3.759.492.924	3.759.492.924	13.073.128.665	13.073.128.665
- Ban quản lý dự án xây dựng giao thông Bắc Ninh	50.331.634.000	50.331.634.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ban Quản lý dự án khu vực các công trình giao thông vận tải	23.550.538.100	23.550.538.100	-	-
- Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	39.082.686.850	39.082.686.850	23.008.552.590	23.008.552.590
<b>Cộng</b>	<b>186.624.495.450</b>	<b>186.624.495.450</b>	<b>108.694.063.665</b>	<b>108.694.063.665</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	12.519.142.508	-	7.671.938.769	5.755.919.684	10.603.123.423	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	710.158.189	-	1.582.267.672	872.109.483	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	207.507.685	564.851.563	652.739.515	-	119.619.733
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.430.595.349	3.430.595.349	-	-
- Các loại thuế khác	-	17.756.117	3.000.000	3.000.000	-	17.756.117
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	8.690.635.861	12.100.000	8.702.735.861	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.519.142.508</b>	<b>9.626.057.852</b>	<b>11.682.485.681</b>	<b>20.127.258.081</b>	<b>11.475.232.906</b>	<b>137.375.850</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.034.539.109</b>	<b>54.573.109.877</b>
- Chi phí thi công công trình	9.034.539.109	44.307.425.908
- Chi phí lãi vay	-	10.265.683.969
<b>Cộng</b>	<b>9.034.539.109</b>	<b>54.573.109.877</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>995.037.855</b>	<b>918.829.218</b>
- Doanh thu nhận trước	995.037.855	918.829.218
<b>Cộng</b>	<b>995.037.855</b>	<b>918.829.218</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>64.742.540.530</b>	<b>41.315.116.828</b>
- Kinh phí công đoàn	41.200.562	33.931.500
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp	163.240.991	146.783.064
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.673.981.000	187.869.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.864.117.977	40.946.532.764
+ <i>Đội thi công công trình</i>	46.684.451.633	34.236.740.586
+ <i>Các đối tượng khác</i>	15.179.666.344	6.709.792.178
<b>b. Dài hạn</b>	<b>41.688.549.125</b>	<b>37.122.279.836</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.688.549.125	37.122.279.836
+ Công ty TNHH BOT đường 188	9.133.763.741	7.737.179.172
+ Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	32.554.785.384	29.385.100.664
<b>Cộng</b>	<b>106.431.089.655</b>	<b>78.437.396.664</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>16.828.209.279</b>	<b>54.318.084.961</b>	<b>542.308.970.785</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21.417.795.883	21.417.795.883
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	2.715.904.248	(54.318.084.961)	(51.602.180.713)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>19.544.113.527</b>	<b>21.417.795.883</b>	<b>512.124.585.955</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	18.198.964.148	18.198.964.148
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	(21.417.795.883)	(21.417.795.883)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>19.544.113.527</b>	<b>18.198.964.148</b>	<b>508.905.754.220</b>

(\*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Năm nay
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	490.945.883
Trích cổ tức chi trả	20.926.850.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>21.417.795.883</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của công ty mẹ	105.000.000.000	25,055	105.000.000.000	25,05
- Vốn góp của các cổ đông khác	314.080.000.000	74,945	314.080.000.000	74,95
<b>Cộng</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>100</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.926.850.000	50.224.440.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	20.926.850.000	50.224.440.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Tổng Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	19.544.113.527	19.544.113.527
<b>Cộng</b>	<b>19.544.113.527</b>	<b>19.544.113.527</b>

**20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	10.996,05	278,06
- JPY	47.792	73.138



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	449.184.988.929	990.504.215.124
- Doanh thu các hoạt động khác	17.219.497.478	20.926.791.528
<b>Cộng</b>	<b><u>466.404.486.407</u></b>	<b><u>1.011.431.006.652</u></b>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tasco	44.124.260.700	-
<b>Cộng</b>	<b><u>44.124.260.700</u></b>	<b><u>-</u></b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giảm giá hàng bán	25.912.344.503	7.415.309.285
<b>Cộng</b>	<b><u>25.912.344.503</u></b>	<b><u>7.415.309.285</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	436.755.159.916	963.499.850.596
- Giá vốn các hoạt động khác	7.980.656.174	11.731.850.526
<b>Cộng</b>	<b><u>444.735.816.090</u></b>	<b><u>975.231.701.122</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.090.526.267	13.901.107.080
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	55.992.655.708	38.962.614.948
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	188.694.484	-
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	9.440.069.613
<b>Cộng</b>	<b><u>67.271.876.459</u></b>	<b><u>62.303.791.641</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	23.049.333	8.051.729.343
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	4.475.614.932	2.044.500.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	252.640	10.770.871
- Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác	748.063.170	(8.038.011.412)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.246.980.075</u></b>	<b><u>2.068.988.802</u></b>

**06. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	316.772.728	8.147.087.575
- Các khoản khác	1.446.809.648	2.640.228.020
<b>Cộng</b>	<b><u>1.763.582.376</u></b>	<b><u>10.787.315.595</u></b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí phạt	8.100.000	10.971.502.706
- Các khoản khác	727.722.545	1.563.621.407
<b>Cộng</b>	<b>735.822.545</b>	<b>12.535.124.113</b>

**08. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>40.610.017.881</b>	<b>64.804.496.038</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	20.689.278.025	25.234.904.650
- Chi phí vật liệu quản lý	-	46.902.063
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.114.482.176	2.490.292.128
- Chi phí khấu hao TSCĐ	351.800.407	2.431.972.765
- Thuế, phí và lệ phí	17.000.000	3.053.281.806
- Chi phí dự phòng	5.096.309.929	10.985.911.323
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.980.246.867	13.974.069.740
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.360.900.477	6.587.161.563
<b>Cộng</b>	<b>40.610.017.881</b>	<b>64.804.496.038</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	999.374.373
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	49.324.272
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.048.698.645</b>

**10. Chi phí theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.287.759.871	48.078.804.620
- Chi phí nhân công	31.451.324.225	34.339.888.308
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.565.653.819	4.841.513.861
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.161.514.919	18.293.304.004
- Chi phí khác bằng tiền	6.515.953.392	18.728.600.480
- Chi phí thuê phụ	278.433.445.778	905.910.144.178
- Chi phí trích lập dự phòng	5.096.309.929	10.985.911.323
<b>Cộng</b>	<b>455.511.961.933</b>	<b>1.041.178.166.774</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 02. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	4.672.769.978	4.322.285.550
<b>Cộng</b>	<b><u>4.672.769.978</u></b>	<b><u>4.322.285.550</u></b>

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Tasco	Cổ đông nắm giữ 35,4% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Công ty con, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư kể từ ngày 9/8/2018
- Công ty Cổ phần 21 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên kết, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư kể từ ngày 18/12/2018
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui Thăng Long	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.02, VI.06 các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty Cổ phần Tasco</b>	
- Trả cổ tức	8.090.837.500

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.05 và V.13 không còn các công nợ nào khác với các bên liên quan khác.

#### 03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

##### *Lĩnh vực kinh doanh:*

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, thuê văn phòng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<b>Lĩnh vực 1</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	423.272.644.426	17.219.497.478	440.492.141.904
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	416.177.421.083	7.143.516.504	423.320.937.587
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>7.095.223.343</b>	<b>10.075.980.974</b>	<b>17.171.204.317</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.524.467.791	184.063.541	269.051.468
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.658.897.869	1.444.067.622	7.102.965.491
<b>Số dư cuối năm nay</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	698.452.010.503	9.186.854.248	707.638.864.751
- Tài sản không phân bổ			383.411.666.864
	<b>698.452.010.503</b>	<b>9.186.854.248</b>	<b>1.091.050.531.615</b>
<b>Tổng tài sản</b>			
- Nợ phải trả bộ phận	573.342.029.383	4.466.052.725	577.808.082.108
- Nợ phải trả không phân bổ			4.336.695.287
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>573.342.029.383</b>	<b>4.466.052.725</b>	<b>582.144.777.395</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<b>Lĩnh vực 1</b>	<b>Lĩnh vực 2</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	983.088.905.839	20.926.791.528	1.004.015.697.367
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	967.974.297.259	11.827.097.062	979.801.394.321
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>15.114.608.580</b>	<b>9.099.694.466</b>	<b>24.214.303.046</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	263.443.604	5.607.864	269.051.468
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.763.574.770	2.651.005.146	7.414.579.916
<b>Số dư cuối năm trước</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	713.206.902.638	9.000.848.590	722.207.751.228
- Tài sản không phân bổ			365.449.602.060
<b>Tổng tài sản</b>	<b>713.206.902.638</b>	<b>9.000.848.590</b>	<b>1.087.657.353.288</b>
- Nợ phải trả bộ phận	569.000.227.513	2.276.432.416	571.276.659.929
- Nợ phải trả không phân bổ			4.256.107.404
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>569.000.227.513</b>	<b>2.276.432.416</b>	<b>575.532.767.333</b>

**Khu vực địa lý :**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	173.455.189.633	-	139.799.029.815	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	382.124.111.275	(143.956.946.299)	383.424.859.421	(138.860.636.370)	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	21.294.159.591	-	15.500.000.000	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.861.460.588	-	3.619.877.500	-	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>580.734.921.087</b>	<b>(143.956.946.299)</b>	<b>542.343.766.736</b>	<b>(138.860.636.370)</b>		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	267.902.906.912	309.057.573.563	(*)	(*)
Vay và nợ	2.539.458.867	6.289.458.867	(*)	(*)
Chi phí phải trả	9.034.539.109	54.573.109.877	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	106.226.648.102	78.256.682.100	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>385.703.552.990</b>	<b>448.176.824.407</b>		

(\*): Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Tổng Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	267.902.906.912	-	-	267.902.906.912
Vay và nợ	-	2.539.458.867	-	2.539.458.867
Chi phí phải trả	9.034.539.109	-	-	9.034.539.109
Các khoản phải trả khác	64.538.098.977	41.688.549.125	-	106.226.648.102
<b>Cộng</b>	<b>341.475.544.998</b>	<b>44.228.007.992</b>	<b>-</b>	<b>385.703.552.990</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	309.057.573.563	-	-	309.057.573.563
Vay và nợ	3.000.000.000	3.289.458.867	-	6.289.458.867
Chi phí phải trả	54.573.109.877	-	-	54.573.109.877
Các khoản phải trả khác	41.134.402.264	37.122.279.836	-	78.256.682.100
<b>Cộng</b>	<b>407.765.085.704</b>	<b>40.411.738.703</b>	<b>-</b>	<b>448.176.824.407</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

##### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

#### 09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên